

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1202000192 ngày 18/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 20 ngày 24/11/2025.

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên:

- Ông Vũ Việt Cường
- Ông Vũ Đình Vinh
- Ông Nguyễn Đức Thắng
- Ông Ngô Trường An
- Ông Hoàng Quốc Tùng
- Ông Bùi Thanh Bình

Chức vụ:

- Chủ tịch (Bổ nhiệm từ 24/06/2026)
- Chủ tịch (Miễn nhiệm từ 24/06/2026)
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên:

- Ông Nhữ Ngọc Quang
- Ông Ngô Gia Huy
- Ông Nguyễn Văn Thuận

Chức vụ:

- Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ 24/06/2026)
- Thành viên (Bổ nhiệm từ 24/06/2026)
- Thành viên (Bổ nhiệm từ 24/06/2026)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên:

- Ông Nguyễn Đức Thắng
- Ông Ngô Trường An
- Bà Nguyễn Thị Hoa

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng

3. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Thắng – Tổng Giám đốc Công ty.

4. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn PKF-TTG được bổ nhiệm là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép và lưu trữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và để làm cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Lào Cai, ngày 24 tháng 08 năm 2026

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐỨC THẮNG



Số: 12 /2026/BCSX/TTG.KD9

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24/08/2026, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được trình bày từ trang 08 đến trang 28.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn khác, phải trả người bán ngắn hạn, trả trước cho người bán tại ngày 01/01/2026 với số tiền lần lượt là 61.695.065.011 VND; 19.739.200.005 VND; 633.401.930 VND; cũng như thư xác nhận tại 30/06/2026 với số tiền lần lượt là 63.195.137.911 VND; 19.809.200.005 VND và 654.162.883 VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế được thực hiện không cung cấp đầy đủ cơ sở thích hợp để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính chính xác về giá trị của các khoản công nợ nêu trên. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản công nợ này và các ảnh hưởng, nếu có, của các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi chưa nhận được báo cáo tài chính và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn (Công ty liên kết của Công ty) với giá trị gốc khoản đầu tư này là 24.150.000.000 VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Theo đó, chúng tôi không tính được giá trị và giá trị dự phòng tổn thất khoản đầu tư (nếu có) cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Theo Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty con - Công ty Cổ phần Gia Long – Hòa Bình (“Gia Long”) kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo này do tính chất lan tỏa của các yếu tố từ chối do các vấn đề “Không đánh giá được giá trị thuần khoản Đầu tư Công ty liên kết với giá trị 23,8 tỷ VND; không thu thập được hồ sơ khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị 6,034 tỷ VND; không đánh giá được giả định hoạt động liên tục và không thu thập được thư xác nhận các khoản tạm ứng, phải thu khách hàng ngắn hạn, trả trước cho người bán ngắn hạn, phải trả người bán ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác tại ngày 01/01/2026 với số tiền lần lượt khoảng 54,8 tỷ VND; 12,7 tỷ VND; 4,2 tỷ VND; 33,1 tỷ VND; 7,8 tỷ VND cũng như thư xác nhận tại ngày 30/06/2026 với số tiền lần lượt khoảng 52,3 tỷ VND; 12,7 tỷ VND; 4,2 tỷ VND; 32,02 tỷ VND; 7,8 tỷ VND.” Chúng tôi không thu thập được bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc hoàn nhập dự phòng này, giá trị thuần của khoản đầu tư, trích lập dự phòng bổ sung do các yếu tố từ chối cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác liên quan đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tại thời điểm 30/06/2026, Lỗ lũy kế của Công ty là 141.733.846.972 VND, tương ứng 58% vốn chủ sở hữu đồng thời, trong 6 tháng đầu năm Công ty không phát sinh doanh thu cũng như hoạt động kinh doanh đáng kể. Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND và Khoản phải trả người bán với giá trị 19.729.200.005 VND đã quá hạn thanh toán. Các yếu tố này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này từ chối đưa ra kết luận về báo cáo tài chính này vào ngày 29/08/2025.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính này vào ngày 27/03/2026.

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2026

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN PKF-TTG



Nguyễn Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2305-2023-330-1

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.469.146.959	63.464.946.199
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		405.967.441	20.684.191
Tiền	111	5.1	405.967.441	20.684.191
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.897.300.795	63.288.513.277
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.360.882.771	4.272.929.106
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		654.162.883	633.401.930
Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	63.195.137.911	61.695.065.011
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.5	(3.312.882.770)	(3.312.882.770)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		165.878.723	155.748.731
Thuế GTGT được khấu trừ	162		165.878.723	155.748.731
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.296.951.476	76.789.710.836
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	-	-
- Nguyên giá	222		7.798.830.541	7.798.830.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.798.830.541)	(7.798.830.541)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	75.296.951.476	76.789.710.836
Đầu tư vào công ty con	261		171.000.000.000	171.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		24.150.000.000	24.150.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(119.853.048.524)	(118.360.289.164)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		139.766.098.435	140.254.657.035

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.230.225.764	25.225.719.099
I. Nợ ngắn hạn	310		27.230.225.764	25.225.719.099
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	19.809.200.005	19.739.200.005
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.8	1.927.871.665	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.9	431.545.116	431.545.116
Phải trả ngắn hạn khác	320	5.10	35.302.000	28.667.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.11	2.230.000.000	2.230.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.796.306.978	2.796.306.978
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.12	112.535.872.671	115.028.937.936
Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(1.910.000)	(1.910.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.796.306.978	2.796.306.978
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(141.733.846.972)	(139.240.781.707)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(139.240.781.707)	(36.237.200.234)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(2.493.065.265)	(103.003.581.473)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		139.766.098.435	140.254.657.035

Phê duyệt, ngày 24 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hoa

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Đức Thắng

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	-	13.413.352.200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	13.413.352.200
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	-	13.215.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	198.352.200
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	1.103	602.515.241
8. Chi phí tài chính	23	6.4	1.493.335.360	(210.391.656)
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	999.731.008	440.571.149
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.493.065.265)	570.687.948
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32		-	-
14. Lợi nhuận khác	40		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.493.065.265)	570.687.948
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.493.065.265)	570.687.948

Phê duyệt, ngày 24 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Hoa

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Đức Thắng

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(2.493.065.265)	570.687.948
Điều chỉnh cho các khoản				
Các khoản dự phòng	03		1.492.759.360	(211.532.796)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(1.103)	(602.515.241)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.000.307.008)	(243.360.089)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(618.917.510)	(13.013.828.512)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.004.506.665	13.479.966.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		385.282.147	222.777.399
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.103	8.394
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.103	8.394
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		385.283.250	222.785.793
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	20.684.191	102.459.083
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	405.967.441	325.244.876

Phê duyệt, ngày 24 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

h

Nguyễn Thị Hoa

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

h

Nguyễn Thị Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



h

Nguyễn Đức Thắng

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường (Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 ngày 18/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 20 ngày 24/11/2025.
Vốn điều lệ của Công ty là: 246.330.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu tỷ, ba trăm ba mươi triệu đồng). Tổng số cổ phần là 24.633.000. cổ phần.
Trụ sở Công ty tại số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là LCM từ ngày 16/09/2011.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng kim loại quý hiếm và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Tại ngày 30/06/2026, Công ty có công ty con, công ty liên doanh, liên kết, cụ thể như sau:

Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con			
- Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			
- Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	35 %	35 %	Hoạt động dịch vụ trồng trọt

Số lượng người lao động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 24 người (tại ngày 31/12/2025 là 22 người).

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót,
Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG, KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN VÀ GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND").

2.3. Giả định cơ sở hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại thời điểm 30/06/2026, Lỗ lũy kế của Công ty là 141.733.846.972 VND, tương ứng 58% vốn chủ sở hữu đồng thời, trong 6 tháng đầu năm Công ty không phát sinh doanh thu cũng như hoạt động kinh doanh đáng kể. Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND và Khoản phải trả người bán với giá trị 19.729.200.005 VND đã quá hạn thanh toán. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới hiệu quả hơn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3.2. Áp dụng hướng dẫn mới về Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc áp dụng Thông tư 99 trong kỳ kế toán hiện tại không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Sau đây là các chính sách kế toán quan trọng được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của năm gần nhất.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm với việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng tại thời điểm hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Công ty liên kết là những đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị. Công ty liên doanh là những đơn vị mà Công ty có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên doanh, liên kết thường là các đơn vị mà Công ty thường nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Trường hợp Công ty giải thể công ty con và sáp nhập toàn bộ tài sản và nợ phải trả của công ty con vào Công ty (Công ty kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của công ty con), Công ty ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và ghi nhận toàn bộ tài sản, nợ phải trả của công ty con bị giải thể vào báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày sáp nhập. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót,
Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty được ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc: | 25 - 45 năm |
| - Máy móc thiết bị: | 06 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 năm |

4.7. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả cho người bán của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành/ thành lập công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá tái phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

4.11. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT: 8%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ kế toán và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ kế toán là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, đồng thời xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận, đồng thời xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó. Doanh thu dịch vụ tư vấn được ghi nhận trên cơ sở giá trị hoá đơn tài chính được phát hành, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và được khách hàng chấp nhận thanh toán.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi bán hàng trả chậm.... Tiền lãi được xác định trên cơ sở dồn tích dựa trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi chênh lệch tỷ giá và lãi thu được do khách hàng chậm thanh toán căn cứ trên hợp đồng và biên bản xác nhận với khách hàng; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu (Trường hợp Công ty cổ phần) chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí hoạt động tài chính khác không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ kế toán.

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót,
Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

4.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

4.16. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026, Công ty không phát sinh doanh thu và giá vốn từ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do đó, Công ty không phát sinh thông tin về doanh thu, giá vốn và kết quả kinh doanh theo từng bộ phận để trình bày trên Báo cáo bộ phận. Vì vậy, Công ty không tiến hành lập và trình bày Báo cáo bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

4.17. Các bên liên quan

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty.
- Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA ĐỘ

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
- Tiền mặt	401.859.971	17.117.271
- Tiền gửi không kỳ hạn	4.107.470	3.566.920
Cộng	405.967.441	20.684.191

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	171.000.000.000	(119.832.313.778)	(*)	171.000.000.000	(118.339.554.418)	(*)
+ Công ty TNHH Gia Long - Hòa Bình	171.000.000.000	(119.832.313.778)	(*)	171.000.000.000	(118.339.554.418)	(*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	24.150.000.000	(20.734.746)	(*)	24.150.000.000	(20.734.746)	(*)
+ Hợp tác xã môi trường xanh Vân Sơn	24.150.000.000	(20.734.746)	(*)	24.150.000.000	(20.734.746)	(*)
Cộng	195.150.000.000	(119.853.048.524)	(*)	195.150.000.000	(118.360.289.164)	(*)

(*) Theo quy định tại Thông tư số 99/TT-BTC ngày 27/10/2025, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2026. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.
Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	Xóm Tân Lập, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a. Phải thu khách hàng khác	48.000.000	-	960.046.335	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và Sản xuất công nghiệp CAMEL	-	-	912.046.335	-
+ Các khách hàng khác	48.000.000	-	48.000.000	-
b. Phải thu khách hàng là bên liên quan	3.312.882.771	(3.312.882.771)	3.312.882.771	(3.312.882.771)
+ Công ty TNHH Gia Long - Hoà Bình	3.312.882.771	(3.312.882.771)	3.312.882.771	(3.312.882.771)
Cộng	3.360.882.771	(3.312.882.771)	4.272.929.106	(3.312.882.771)

5.4. Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
+ Tạm ứng	61.900.000.000	-	60.400.000.000	-
+ Phải thu về lãi cho vay	1.222.712.442	-	1.222.712.442	-
+ Phải thu khác	72.425.469	-	72.352.569	-
Cộng	63.195.137.911	-	61.695.065.011	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.5. Nợ xấu

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng	3.312.882.770	-	(3.312.882.770)	3.312.882.770	-	(3.312.882.770)
Công ty TNHH Gia Long - Hòa Bình	3.312.882.770	-	(3.312.882.770)	3.312.882.770	-	(3.312.882.770)
Cộng	3.312.882.770	-	(3.312.882.770)	3.312.882.770	-	(3.312.882.770)

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.225.532.028	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.541
Số dư cuối năm	4.225.532.028	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.541
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(4.225.532.028)	(2.518.692.880)	(963.104.633)	(91.501.000)	(7.798.830.541)
Khấu hao trong năm		-	-	-	-
Số dư cuối năm	(4.225.532.028)	(2.518.692.880)	(963.104.633)	(91.501.000)	(7.798.830.541)
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 7.798.830.541 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ
BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

Mẫu số B 09a – DN

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót,
Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.7. Phải trả người bán

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
- Hợp tác xã tơ tằm Sơn Lương	11.337.000.000	11.337.000.000
- Hợp tác xã dâu tằm tơ Duy Thu	7.306.200.000	7.306.200.000
- Hợp tác xã môi trường xanh Chấn Thịnh	988.000.005	988.000.005
- Các khoản phải trả người bán khác	178.000.000	108.000.000
Cộng	19.809.200.005	19.739.200.005

5.8. Người mua trả tiền trước

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và Sản xuất công nghiệp CAMEL	1.927.871.665	-
Cộng	1.927.871.665	-

5.9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
- Chi phí kiểm toán	404.700.000	404.700.000
- Các chi phí khác	26.845.116	26.845.116
Cộng	431.545.116	431.545.116

5.10. Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
- Bảo hiểm xã hội	35.302.000	28.667.000
Cộng	35.302.000	28.667.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

5.11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2026 (VND)	Trong kỳ (VND)		01/01/2026 (VND)
		Tăng	Giảm	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Việt Nam (*)	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000
Cộng	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000

(*) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/LCM-BVVN ngày 13/12/2023 giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam và Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Số tiền vay là 2.230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh, không có tài sản đảm bảo. Tại ngày 30/06/2026, thời hạn vay theo hợp đồng đã hết, khoản vay chưa được gia hạn hoặc tắt toán.

5.12. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	246.330.000.000	5.145.322.665	2.796.306.978	(136.442.802.965)	117.828.826.678
- Lỗi trong năm trước	-	-	-	(2.797.978.742)	(2.797.978.742)
Số dư cuối năm trước	246.330.000.000	5.145.322.665	2.796.306.978	(139.240.781.707)	115.030.847.936
Số dư đầu kỳ	246.330.000.000	5.145.322.665	2.796.306.978	(139.240.781.707)	115.030.847.936
- Lỗi trong kỳ này	-	-	-	(2.493.065.265)	(2.493.065.265)
Số dư cuối kỳ	246.330.000.000	5.145.322.665	2.796.306.978	(141.733.846.972)	112.537.782.671

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót,
Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	246.330.000.000	246.330.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.633.000	24.633.000
Cổ phiếu phổ thông	24.633.000	24.633.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.633.000	24.633.000
Cổ phiếu phổ thông	24.633.000	24.633.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP):	10.000	10.000

Các quỹ

	30/06/2026 (VND)	01/01/2026 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.796.306.978	2.796.306.978

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót,
Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	13.413.352.200
Cộng	-	13.413.352.200

6.2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
- Giá vốn hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	-	13.215.000.000
Cộng	-	13.215.000.000

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.103	602.515.241
Cộng	1.103	602.515.241

6.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
- Chi phí tài chính khác	576.000	1.141.140
- Dự phòng tổn thất đầu tư	1.492.759.360	(211.532.796)
Cộng	1.493.335.360	(210.391.656)

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
- Chi phí cho nhân viên	731.480.000	427.896.000
- Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.000.000	-
- Chi phí khác bằng tiền	168.251.008	9.675.149
Cộng	999.731.008	440.571.149

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót,
Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.493.065.265)	570.687.948
- Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
- Điều chỉnh	-	24.288.554.082
+ Chi phí lãi vay không được trừ	-	21.659.200.317
+ Chi phí khấu hao ngừng tham gia sản xuất	-	4.136.853.765
+ Cổ tức được chia	-	(1.507.500.000)
- Thu nhập tính thuế TNDN	(2.493.065.265)	24.859.242.030
- Lỗ kết chuyển từ các năm trước	-	(14.015.473.853)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (VND)
- Chi phí nhân công	731.480.000	427.896.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.000.000	13.215.000.000
- Chi phí khác bằng tiền	168.827.008	12.675.149
Cộng	1.000.307.008	13.655.571.149

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.2. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm và tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Gia Long Hoà Bình	Công ty con

Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót,
Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Số dư các khoản phải thu với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần Gia Long Hoà Bình	Phải thu khách hàng	3.312.882.771	3.312.882.771

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 (VND)	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Đức Thắng	48.000.000	48.000.000
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Hoàng Quốc Tùng	-	30.000.000
Cộng	48.000.000	78.000.000

7.3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Phê duyệt, ngày 24 tháng 08 năm 2026

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Hoa

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Hoa

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



[Signature]

Nguyễn Đức Thắng